

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH KIÊN GIANG** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **65/2024/HS-PT**

Ngày: 11/4/2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Lịnh

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thế Mạnh

Bà Trần Thị Trâm Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 193/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Tấn Đ**, sinh ngày 15/9/1988 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bé N, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị D, sinh năm 1968; có vợ là Lê Thị M, sinh năm 1994, chưa có con; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/10/2022 đến ngày 12/10/2022 được tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1994 - Vợ bị cáo Đ (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Bá N1** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 15 phút, ngày 08/10/2022, Nguyễn Tấn Đ đi làm về đến phòng số 2B nhà trọ H, thuộc khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, nhớ lại việc Lê Thị M (vợ của Đ) bị mất tài sản nên Đ lấy 01 cây dao cán

bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, một bề lưỡi dao sắc bén, dài 50cm cầm trên tay, vừa đi vừa chửi lớn tiếng thì M và anh Nguyễn Thanh T (ở phòng 6A) can ngăn. Nguyễn Văn T ở phòng số 1B, kế bên phòng Đ nghe được, nghĩ Đ chửi mình nên T đi qua đứng trước cửa phòng 2B cự cãi với Đ, được anh T can ngăn kêu T đi về phòng. Lúc này khoảng 23 giờ 25 phút cùng ngày, T không về phòng mà đi ra phía trước quầy lễ tân của nhà trọ lấy 01 thanh kim loại, hình trụ tròn rỗng dài 1,02 mét cầm trên tay chạy vào phòng số 2B giơ thanh kim loại lên đánh Đ, nhưng chưa đánh được thì bị Đ cầm cây dao trước đó chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào phần hông bụng bên trái của T gây thương tích, T đi lùi ra khỏi phòng 2B dựa vào vách tường đối diện phòng thì được mọi người phát hiện đưa đến Trung tâm Y tế thành phố Điều trị. Riêng Đến Công an phường D, thành phố Phố Thủ, giao nộp cây dao.

\* Vật chứng đã thu giữ:

- 01 cây dao có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, một bề lưỡi dao sắc bén, dài 50cm, đã qua sử dụng;

- 01 thanh kim loại hình trụ tròn rỗng, dài 1,02 mét, đường kính 03cm, một đầu có bịt ống nhựa và quần vải, đã qua sử dụng;

- 01 USB hiệu Kingston 2GB màu xanh, đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 733/TgT ngày 12/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận thương tích của Nguyễn Văn T như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương vùng hạ sườn - ngực - lưng trái, gây rách mạc nối lớn, đứt lách và gãy xương sườn IX, X, XI, XII, tràn khí - tràn dịch màng phổi trái và phải đã được phẫu thuật khâu bảo tồn lách, khâu mạc nối, khâu khoang màng phổi, đặt dẫn lưu khoang màng phổi và dẫn lưu ổ bụng. Hiện tại, các xương sườn IX, X, XI, XII di lệch, chưa can xương.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 37%.

- Vật gây thương tích: Vật sắc; vật chứng cây dao (dạng dao tự chế) gửi giám định gây ra được thương tích này.

- Về chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích vùng hạ sườn - ngực - lưng trái gây hạn chế chức năng hô hấp mức độ ít.

\* Tại bản Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 14/2023/KLGĐ, ngày 13/01/2023, của Trung tâm P - Bộ Y, kết luận đối với Nguyễn Tấn Đ như sau:

- Về y học: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.17 - ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- Rối loạn nhân cách, hành vi là hậu quả của việc lạm dụng rượu thời gian dài.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2023/HS-ST, ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Đ. phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm a, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ. 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 09/10/2022 đến ngày 12/10/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/9/2023, bị cáo Nguyễn Tấn Đ. có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét lại tội danh và xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đ. có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Đ. có ý kiến yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ. có ý kiến: Hành vi của bị cáo Đ. là cố ý gây thương tích trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tội danh đối với bị cáo Đ.; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ., giảm cho bị cáo từ 3 đến 6 tháng tù so với mức hình phạt tù bản án sơ thẩm đã tuyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Ngày 08/10/2022, giữa Nguyễn Tấn Đ. và Nguyễn Văn T1 phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau. Khi Đ. đang cầm dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, một bề lưỡi dao sắc bén, dài 50cm đứng trong phòng, T1 lấy 01 thanh kim loại chạy vào giơ lên định đánh Đ., nhưng chưa đánh được thì Đ. dùng dao đang cầm trên tay chém 01 nhát trúng vào phần hông bụng bên trái của T1 gây thương tích, theo

kết luận giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của T1 là 37%. Do đó cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Đ về tội cố ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Việc bị cáo Đ và người bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo thuộc trường hợp vượt quá phòng vệ chính đáng là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo là người chủ động cầm dao trước khi cự cãi với bị hại T1, đồng thời khi bị hại T1 cầm cây xông vào thì bị cáo chém một dao vào vùng hông của bị hại gây thương tích đến 37%, chứ không phải chém vào tay đang cầm đoạn kim loại của để hạn chế sự tấn công. Qua đó chứng tỏ bị cáo có ý thức cố ý gây thương tích đối với bị hại nên đã dùng dao sắc bén chém bằng một lực rất mạnh vào cơ thể người bị hại gây thương tích rất lớn (vết thương vùng hạ sườn - ngực - lưng trái, gây rách mạc nối lớn, đứt lách và gãy xương sườn IX, X, XI, XII). Do đó, kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

Cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 3 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả phạm tội của bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng ở thời điểm xét xử. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp thêm 20.000.000đ để bồi thường cho bị hại, nâng tổng số tiền đã tự nguyện bồi thường lên 71.200.000đ, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó thấy rằng cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo là thỏa đáng, do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, một phần ý kiến đề nghị của người bào chữa, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Việc sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo là do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, chứ cấp sơ thẩm không sai, không có lỗi.

[4] Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn Đ, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST, ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 09/10/2022 đến ngày 12/10/2022.

3. Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST, ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1); **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1)
- CQĐT Tp Phú Quốc (1)
- VKS Tp Phú Quốc (1)
- Tòa án Tp Phú Quốc (1) **Võ Văn Linh**
- THHSTp Phú Quốc (1)
- Chi cục THADSTp Phú Quốc (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).